

BÁO CÁO

**Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016
của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực dân tộc
thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Văn bản số 2364/UBND-CSĐT ngày 20/12/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2024, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. VIỆC THỂ CHẾ HOÁ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết 52)

- Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng trong tình hình mới của nền kinh tế hội nhập, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số phải được thực hiện một cách đồng bộ các chính sách liên quan đến việc phát triển quy mô và nâng cao chất lượng dân số, các chính sách về chăm sóc sức khỏe nhân dân, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo..., các chính sách phân bổ, sử dụng nhân lực và kể cả các chính sách khuyến khích, động viên người lao động tự lực vươn lên. Thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ, nhất là nâng cao vai trò tự chủ của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, các tổ chức sự nghiệp và các thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh cho quá trình phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số trong tỉnh;

- Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52/NQ-CP, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4604/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP trên địa bàn tỉnh; theo đó, giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện liên quan triển khai thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ngành và UBND các huyện liên quan đã xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý;

- Các cấp, các ngành và địa phương phổ biến tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, Nghị quyết số 52/NQ-CP; xây dựng các chuyên mục phóng sự truyền thông đặc thù bằng tiếng dân tộc (tiếng Chăm, Bana, H'rê) phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Đài Truyền thanh huyện. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào dân tộc thiểu số về đẩy mạnh đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng với nhiều hình thức phong phú, như: Trên báo chí, xuất bản phẩm, thông tin điện tử, mạng xã hội; các hình thức tuyên truyền trực quan như: panô, áp phích, bảng tường, băng cờ và thông qua các: hội thảo, hội thi, phổ biến, tư vấn pháp luật góp phần giúp người dân vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có thêm nhiều kênh để tiếp cận thông tin về phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo...; tạo sự thống nhất, đồng thuận trong việc giảm nghèo, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kết quả việc tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực thực hiện các dự án, đề án, chương trình, chiến lược, quy hoạch... về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2024, dự kiến thực hiện đến năm 2025

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 4604/QĐ-UBND ngày 12/12/2017; UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực thực hiện các dự án, đề án, chương trình, chiến lược, quy hoạch... về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số¹.

¹ - Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025" trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 143/QĐ-UBND, ngày 13/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, mức hỗ trợ thêm tiền ăn là 540.000 đồng/học sinh/tháng, thời gian được hỗ trợ tối đa là 9 tháng/năm học (từ năm học 2022-2023).

- Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 và Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, học sinh mẫu giáo, mầm non được hỗ trợ 160.000 đồng/học sinh/tháng (ngoài đối tượng đã được thụ hưởng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non và các quy định sửa đổi bổ sung khác). Học sinh đang học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc nội trú (ngoài đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục và Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn) không được hưởng chính sách nội trú hoặc

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021-2024, DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2025

1. Đánh giá chung

a) Đánh giá tình hình phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số của địa phương và so sánh với nguồn nhân lực chung trong giai đoạn 2021-2025

- Đã ban hành được các cơ chế chính sách đặc thù riêng để triển khai tổ chức thực hiện như thay đổi cách thức cơ chế theo hướng chuyển dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ sang hỗ trợ cho cộng đồng, nhóm hộ, hỗ trợ người dân tự vươn lên thoát nghèo...; nhiều địa phương xuất hiện các mô hình phát triển kinh tế, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc rất hiệu quả, qua đó góp phần giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; diện mạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã thay đổi căn bản theo hướng tích cực...;

Nguyên nhân những hạn chế, yếu kém nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trong tỉnh là do đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh chủ yếu sinh sống ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên xảy ra thiên tai, tỷ lệ hộ nghèo cao, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu. Thể lực người lao động dân tộc thiểu số còn yếu chưa đáp ứng với cường độ lao động cao; còn hạn chế về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ; chủ yếu là lao động giản đơn và chưa qua đào tạo. Các chính sách trực tiếp, gián tiếp liên quan đến phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu để phát triển.

b) Định hướng phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030 của địa phương

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường học, thực hiện kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học ở các cấp học; phấn đấu đến năm 2030 các trường, lớp học ở các làng, thôn, xã có dân tộc thiểu số đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng

bán trú thì được hưởng hỗ trợ mỗi tháng bằng 30% mức lương cơ sở. Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh đang học bán trú tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định: 470.000 đồng/học sinh/tháng. Học sinh đang học tại các trường phổ thông tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (ngoài đối tượng đã được hưởng theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn) được hỗ trợ mỗi tháng bằng 20% mức lương cơ sở;

- Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào DTTS theo hướng mỗi xã đều có trường mầm non, mẫu giáo, mỗi huyện có 02 trường trung học phổ thông và mỗi xã tối thiểu có một nhà trẻ;

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó tập trung phát triển cơ sở hạ tầng; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các hộ nghèo phát triển sản xuất; giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội;

- Chủ động triển khai thực hiện nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quyết định số 4604/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, chính sách tín dụng học sinh, sinh viên. Tăng cường trang thiết bị để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy-học. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia;

- Triển khai thường xuyên các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục và tư vấn với nội dung, hình thức phù hợp từng nhóm đối tượng, với phong tục và trình độ nhận thức của người dân tộc thiểu số, tạo môi trường thuận lợi về chính sách, nguồn lực và dư luận xã hội thúc đẩy mỗi gia đình, cá nhân và cộng đồng chủ động thực hiện chính sách Dân số kế hoạch hóa gia đình, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS về vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, loại trừ loại trừ dần những tập tục, thói quen lạc hậu, xây dựng lối sống lành mạnh ở từng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho đồng bào DTTS, tăng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế ở những vùng đồng bào DTTS; đẩy mạnh việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cơ bản; mở rộng dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân đến các đối tượng là đồng bào DTTS; quản lý thai, khám thai định kỳ; hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ... Thành lập câu lạc bộ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho nam nữ thanh niên, vị thành niên dân tộc thiểu số; tổ chức tập huấn về tư vấn, quản lý và khám sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân cho các cán bộ y tế thôn, làng, cán bộ dân số và cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp xã; cung cấp dịch vụ khám, tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số; tổ chức các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm, kiểm tra, giám sát, quản lý trong công tác phát triển nguồn nhân lực các dân tộc

thiếu số. Thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ thiếu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng quy định chính sách dân số;

- Nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở; thực hiện chính sách thu hút cán bộ y, bác sỹ về công tác ở vùng DTTS, đến năm 2030 mỗi trạm y tế xã miền núi có 02 bác sỹ; nhằm bảo đảm nhân lực cho các trạm y tế xã để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi sức khỏe đến từng người dân; phát triển mạnh y tế dự phòng nhằm làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ đồng bào DTTS trong việc xây dựng công trình vệ sinh, nước sinh hoạt, chuồng trại theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, hôn nhân và gia đình...;

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và triển khai “Chương trình sữa học đường” đối với học sinh mẫu giáo và tiểu học để cải thiện tâm vóc, sức khỏe thanh, thiếu niên người DTTS;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở y tế vùng dân tộc thiểu số trong tỉnh.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết

a) Lĩnh vực giáo dục đào tạo

- **Kết quả thực hiện chính sách cử tuyển:** Chế độ cử tuyển thực hiện theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; Công văn số 1395/UBND-VX ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công tác cử tuyển trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả thực hiện chính sách giáo dục đối với người học là người dân tộc thiểu số:** Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách giáo dục dân tộc đối với học sinh vùng dân tộc miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành, như chính sách học bổng; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập; chính sách ưu tiên tuyển sinh vào đại học, cao đẳng; chính sách phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người; chính sách tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh vùng DTTS; thực hiện chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và Công văn số 1395/UBND-VX ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công tác cử tuyển trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả thực hiện chính sách đối với người dạy trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi:** UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, thường xuyên các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục trên địa bàn vùng DTTS&MN gồm:

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách, đặc biệt các chế độ ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại các trường chuyên biệt và tại các trường ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Thực hiện đảm bảo, đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các thủ tục xét hết tập sự, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, chuyển hạng, nâng hạng đúng đối tượng, kịp thời cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

+ Chế độ, chính sách đối với viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo.

- Kết quả thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất, phục vụ giáo dục đào tạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Cơ sở vật chất (CSVC) trường, lớp và thiết bị dạy học (TBDH) tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại. Đến năm học 2024-2025, cấp học Mầm non có 213 trường và 269 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục; trong 213 trường (Công lập 162 trường, dân lập: 02 trường và tư thục: 49 trường; giảm 07 trường Công lập so với năm 2023 do sáp nhập). Tổng số trẻ mầm non đến trường: 56.474/98.532 trẻ huy động, đạt tỉ lệ 57,32%, trong đó trẻ 5 tuổi đến trường là 22.403/22.403 trẻ phải huy động, tỉ lệ 100%. Cấp Tiểu học có 205 trường, 4146 lớp với 122.594 học sinh; Cấp trung học cơ sở (THCS) có 147 trường, gồm 2566 lớp với 97227 học sinh, ngoài ra còn có 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, 11 Trung tâm GDNN-GDTX gồm 131 lớp với 4.894 học viên.

+ Số lượng trường đạt chuẩn quốc gia: Toàn tỉnh có 104/213 trường mầm non, mẫu giáo đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 48,83%; 205 trường, 4146 lớp với 122.594 học sinh; cấp tiểu học có 170/205 trường, tỉ lệ 82,9%; cấp THCS có 131/147 trường, tỉ lệ 89.12%.

b) Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

- Kết quả thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em ưu tiên đồng bào dân tộc:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện tổ chức 2 đợt tập huấn tăng cường kiến thức, năng lực cho cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho 171 người.

Thực hiện khảo sát ban đầu và duy trì về tình trạng dinh dưỡng, thực hành chăm sóc bà mẹ mang thai và nuôi dưỡng trẻ cho 2.279 phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi (trong đó năm 2023: 650 đối tượng; năm 2024: 1.629 đối tượng) tại các xã triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.

Thực hiện tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho 3.128 (năm 2023: 1.500; năm 2024: 1.628) bà mẹ mang thai, bà mẹ nuôi con bú và bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi nhằm cung cấp kiến thức về nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ cho bà mẹ trước khi sinh, trong 6 tháng đầu và kéo dài đến 24 tháng, chế độ ăn bổ sung hợp lý cho bà mẹ khi trẻ tròn 6 tháng tuổi...; Thực hiện hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa

phương cho 1.965 (năm 2023: 330; năm 2024: 1.635) bà mẹ có con dưới 2 tuổi; Tổ chức 138 buổi sinh hoạt nhóm nuôi dưỡng trẻ nhỏ (1.120 đối tượng tại thôn triển khai mô hình về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, cho trẻ bú sớm sau sinh và bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, thời điểm cho trẻ ăn bổ sung...cho bà mẹ mang thai, cho con bú và người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi; 80,8% (398/492) phụ nữ mang thai thực hiện khám sàng lọc và cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3 lần/thai kỳ; 100% (1.448/1.448) trẻ em dưới 2 tuổi được đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho 418 phụ nữ mang thai (năm 2023: 36 bà; năm 2024: 382 bà) từ khi phát hiện mang thai và 382 trẻ em trên 06 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng tại các xã KV3 (năm 2023: 219 trẻ; năm 2024: 163 trẻ). Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế: 4/4 trẻ.

Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với Trung tâm Y tế 05 huyện tổ chức 22/22 lớp tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho 510 cán bộ các cấp gồm: cán bộ y tế và ban, ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; Thực hiện triển khai hoạt động truyền thông, tư vấn nói chuyện chuyên đề về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em; phát thanh trên Đài truyền thanh xã các chuyên đề về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em...

Đẩy mạnh công tác truyền thông phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào các DTTS về chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

Một số kết quả đạt được, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Chỉ tiêu 2024	Thực hiện đến 31/12/2024
1	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (%)	13,8	12	7,85	13,9	7,97
2	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ (%)	81	77	96,7	79	97,93
3	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của nhân viên y tế (%)	99,9	96,02	99,3	97,5	100
4	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh tại nhà 03 lần trong 42 ngày sau đẻ (%)	55	15	79,4	37	95,21
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi tại các xã KV3 được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần (%)	75	30	53,3	70	77,85

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong giai đoạn 2021-2025 đã đạt và vượt so với kế hoạch đề ra như: Tỷ suất tử vong trẻ em < 01 tuổi; tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai định kỳ ít nhất 4 lần/3 kỳ; tỷ lệ sinh con có nhân viên y tế hỗ trợ,... điều này cho thấy hiệu quả của các chính sách và chương trình can thiệp

- Kết quả thực hiện chính sách về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

+ Từ năm 2022, triển khai thực hiện Dự án 7 nhằm nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định tại 116 thôn thuộc 27 xã, thị trấn (109 thôn ở 22 xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và 07 thôn đặc biệt khó khăn ở 05 xã, thị trấn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021-2025) trên địa bàn 05 huyện: Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, An Lão, Vân Canh. Kết quả cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Chỉ tiêu năm 2024	Thực hiện 2024
1	Tỷ lệ nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN (%)	25	25	25	25	32,2
2	Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN (%)	20	20	22,4	28	28,9
3	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN (%)	25	25	25	37	32,2
4	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN (%)	60	60	68,7	60	67,6
5	Tỷ lệ tăng thêm người sử dụng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã có triển khai chiến dịch tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN (%)	60	60	>65	60	69,8

Tổ chức 02 buổi/xã/năm truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số. Tổ chức 02 buổi/xã/năm truyền thông nhóm về Kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Tổ chức 01 đợt/xã/năm Chiến dịch truyền thông lồng ghép khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

Tổ chức 02 đợt/xã/năm Chiến dịch truyền thông về Chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGD; Sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các thôn xa Trạm Y tế đi lại khó khăn. Việc tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ Chăm sóc SKSS/KHHGD tại Trạm Y tế đã cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe SKSS/KHHGD cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Cử nhân 125 viên y tế thôn, viên chức dân số xã tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về nội dung kiến thức, kỹ năng cho nhân viên y tế thôn về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Tổ chức 01 đợt/huyện truyền thông giáo dục nâng cao kiến thức, thái độ hành vi của cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc thực hành sàng lọc Thalassemia cho nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai, nam nữ sắp kết hôn.

+ Tiếp tục thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo các quy định hiện hành. Hiện tỉnh Bình Định có 32 xã, thị trấn thuộc 05 huyện An Lão, Vân Canh, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân đang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Kết quả trong 5 năm (từ 2020- 2024) đã chi trả cho 604 người với tổng số kinh phí 1.208.000.000 đồng. Cụ thể:

TT	Chia theo năm	Số đối tượng được chi trả (Người)	Kinh phí (Đồng)
1	Năm 2020	104	208.000.000
2	Năm 2021	139	278.000.000
3	Năm 2022	113	226.000.000
4	Năm 2023	137	274.000.000
5	Năm 2024	111	222.000.000
	Tổng	604	1.208.000.000

- Kết quả thực hiện Dự án thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn:

Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Y tế các huyện miền núi (Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão), Sở Y tế đã cử 14 bác sỹ đang công tác tại các khoa và trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão đi đào tạo sau đại học. Đến nay 14 bác sỹ nêu trên đã tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa cấp I, gồm các chuyên ngành: Nội, ngoại, sản, nhi, hồi sức cấp cứu, gây mê

hồi sức và truyền nhiễm. Các bác sỹ đã trở về địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

c) Lĩnh vực lao động, việc làm

- **Kết quả về đào tạo nghề và thực hiện các chính sách trong đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số:** Giai đoạn 2021 đến nay, các đơn vị hoạt động GDNN đã tổ chức đào tạo nghề cho 2.197 thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kinh phí hơn 7,9 tỷ đồng từ các nguồn Chương trình Mục tiêu quốc gia và ngân sách đối ứng của địa phương, trong đó, ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện giảng dạy giáo án điện tử với 52 lớp đào tạo nghề cho 1.300 người. Trong thời gian xảy ra dịch bệnh, các cơ sở GDNN đã triển khai thực hiện trực tuyến với 35 lớp cho 1.078 người thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo kế hoạch đề ra.

- **Kết quả về giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số:** Từ năm 2021 đến nay, đã giải quyết việc làm cho 27.695 người vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gồm huyện An Lão 2.262 người; huyện Vân Canh 2.084 người; huyện Vĩnh Thạnh 3.335 người; huyện Hoài Ân 10.069 người; huyện Tây Sơn 9.945 người, trong đó tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.329 lao động (*có 01 lao động là người dân tộc thiểu số được nhận chính sách hỗ trợ theo các Chương trình mục tiêu quốc gia*).

- **Kết quả về phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh cung cấp thông tin thị trường lao động:** Năm 2022, Sở phối hợp với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn tổ chức lớp bồi dưỡng cho cho 28 nhà giáo GDNN, người dạy nghề đang giảng dạy trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng tại các Trung tâm GDNN-GDTX thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung bồi dưỡng là kỹ năng xây dựng, phát triển chương trình, giáo trình và tài liệu dạy học và kỹ năng dạy học theo tín chỉ thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh tổ chức lớp bồi dưỡng “Đổi mới phương pháp dạy học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện” cho 15 nhà giáo GDNN đang giảng dạy tại các Trung tâm GDNN-GDTX thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các chính sách liên quan lĩnh vực lao động, việc làm khác:

+ Năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Cuộc thi “Thiết kế dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp”; có 15 nhà giáo của 10 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia, trong đó, có 06 nhà giáo của 03 cơ sở GDNN cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo: Thực hiện hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; giai đoạn 2021 - 2024, đã có gần 100.000 trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông con hộ nghèo hộ cận nghèo được hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, kinh phí 184.142 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho 31.303 lượt trẻ em học mẫu giáo, kinh phí 36.542 triệu đồng; 17.171 lượt học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thực hiện chính sách học bổng, nội trú, kinh phí hỗ trợ 76.190 triệu

đồng. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ 296.874 triệu đồng/148.474 lượt trẻ em học mẫu giáo, học sinh, sinh viên. Đã có 854 lượt học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo đã vay vốn ưu đãi để học tập, kinh phí 59.000 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết giai đoạn 2021-2024, dự kiến đến năm 2025

a) Lĩnh vực giáo dục đào tạo

- Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở mầm non:

+ Năm 2021: 5,5% .

+ Năm 2024: 8,9% .

+ Dự kiến năm 2025: 15%.

- Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở mầm non:

+ Năm 2021: 77,1%.

+ Năm 2024: 91,4%

+ Dự kiến năm 2025: 95%.

- Tỷ lệ học sinh DTTS đi học đúng tuổi bậc tiểu học:

+ Năm 2021: 99,95%.

+ Năm 2024: 99,96%.

+ Dự kiến năm 2025: 99,96%.

- Tỷ lệ học sinh DTTS đi học đúng tuổi bậc trung học cơ sở:

+ Năm 2021: 90%.

+ Năm 2024: 90,34%.

+ Dự kiến năm 2025: 91%.

- Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông:

+ Năm 2021: 70%.

+ Năm 2024: 94,62%.

+ Dự kiến năm 2025: 95%.

b) Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

- Tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 01 tuổi đến năm 2024 là 7,97‰, dự kiến năm 2025 là 7,5‰;

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 05 tuổi đến năm 2024 đạt 18,26% (chỉ tiêu 19,06%), dự kiến năm 2025 đạt dưới 18,06%;

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm:

+ Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số: 71,8 tuổi.

+ Tuổi thọ trung bình nam giới người dân tộc thiểu số: 67,7 tuổi.

+ Tuổi thọ trung bình nữ giới người dân tộc thiểu số: 74,6 tuổi.

c) Lĩnh vực lao động, việc làm

Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp:

- Tổng số lao động người dân tộc thiểu số: 16.060 người;

- Tổng số lao động người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề phù hợp: 4.871 người;

- Tỷ lệ: 30,33%;

- Tổng số lao động nữ người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề phù hợp: 2.573 người.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

Qua 04 năm (từ năm 2021-2024) thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP của Chính phủ, diện mạo vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh đã thay đổi tích cực; thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, tỉnh đã có nhiều chủ trương giải pháp và tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và đã đạt được một số kết quả quan trọng; kinh tế xã hội không ngừng phát triển; tỷ lệ hộ nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động, chất lượng khám chữa bệnh BHYT ngày càng được nâng lên; chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học từng bước được nâng cao; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi ra lớp cơ bản đạt theo chỉ tiêu đề ra; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng; công tác đào tạo nghề bước đầu mang lại hiệu quả. Kiến thức sản xuất, trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật của người dân được nâng lên, điều kiện chăm sóc sức khỏe ngày càng tốt hơn. An sinh xã hội được đảm bảo, tình hình chính trị, quốc phòng, an ninh tuyến núi được giữ vững, đảm bảo ổn định đời sống cho người dân và xây dựng nông thôn mới.

Việc tập trung tuyên truyền đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tuyên truyền đồng loạt trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần hỗ trợ độc giả, khán thính giả hiểu rõ hơn về cách tiếp cận mới về giảm nghèo đa chiều. Phương pháp tiếp cận giảm nghèo đa chiều là cuộc đổi thay lớn trong quan điểm về công tác giảm nghèo của Đảng và Nhà nước.

2. Khó khăn, hạn chế

- Tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh Bình Định thời gian qua đã giảm đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn ở mức cao so với tình hình giảm nghèo chung của tỉnh. Tình trạng tái nghèo, tái cận nghèo do thiên tai, bão lũ hoặc do rủi ro trong cuộc sống (ốm đau, bệnh tật hiểm nghèo) của các hộ dân vẫn còn phát sinh nhiều;

- Mức thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thời gian qua đã được cải thiện và nâng cao qua từng năm, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của đời sống dân cư, tính bền vững chưa cao; chênh lệch về mức sống giữa đồng bằng và miền núi, giữa nông thôn và thành thị, nhóm dân cư người kinh - đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn chênh lệch. Các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, tiếp cận thông tin... đã đáp ứng cho người dân, hộ nghèo nhưng chất lượng dịch vụ xã hội vẫn chưa được nâng lên;

- Chính sách đào tạo nghề nông thôn, xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm còn hạn chế, nhiều con em đồng bào dân tộc, miền núi đã qua đào tạo nhưng chưa bố trí được việc làm.

3. Nguyên nhân của các hạn chế

Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương nhiều, nhưng một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng, chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; nhiều nội dung giao cho địa phương phải ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến làm chậm tiến độ triển khai thực hiện.

Các chính sách dân tộc có nhiều nội dung thành phần, tiêu dự án, dự án rất mới, gây lúng túng trong triển khai thực hiện và các sở, ngành, địa phương cần có nhiều thời gian để tìm hiểu, nghiên cứu; đồng thời, phải chờ các văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng của cấp trên để triển khai đúng quy định, nên làm chậm quá trình triển khai thực hiện.

Do địa hình miền núi, vùng sâu, vùng xa nên khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe gặp nhiều khó khăn.

IV. ĐỀ XUẤT CÁC NHÓM GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách

- Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt hơn nữa Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2031, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với phương châm sâu sát, quyết liệt. Đẩy mạnh phân cấp, phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể; tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác giữa các cấp. Phát huy vai trò của người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

- Tiếp tục chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Tiếp tục đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh;

- Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

3. Nhóm giải pháp về nguồn lực

Bố trí, sắp xếp công chức, người lao động phù hợp với chuyên môn, năng lực, trình độ của mỗi người tương ứng với vị trí việc làm; triển khai nắm bắt, kiểm tra, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện Chương trình của địa phương bằng nhiều hình thức (trực tiếp hoặc trực tuyến); tổ chức sơ kết, đánh giá, kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Các giải pháp khác

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên đề, đột xuất tại cơ sở; nâng cao ý thức của người dân trong việc cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Dân tộc để theo dõi, tổng hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Dân tộc (Vụ CSDT);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K2.



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1

TỶ SUẤT TỬ VONG TRẺ EM DÂN TỘC THIỂU SỐ DƯỚI 1 TUỔI

TT	Tỉnh/Thành phố	Đạt được năm 2021 (%)	Đạt được năm 2024 (%)	Dự kiến đạt năm 2025 (%)	Chỉ tiêu của NQ (%)	Kết quả
	Bình Định	12	7,97	7,5	13,8	Đạt và vượt

Phụ lục 3

TỶ LỆ SUY DINH DƯỠNG THẤP CÒI CỦA TRẺ EM DTTS DƯỚI 5 TUỔI

TT	Tỉnh	Đạt được năm 2021 (%)	Đạt được năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Chỉ tiêu của NQ (%)	Kết quả	Ghi chú
	Bình Định	-	18,26	18,06	<23	Vượt	Chỉ tiêu của NQ theo Kế hoạch Chiến lược Quốc gia dinh dưỡng đến năm 2025

Phụ lục 4
TỶ LỆ TRẺ EM TRONG ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO ĐƯỢC CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Stt	Tỉnh	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ					Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo					Ghi chú
		Năm 2021 (%)	Năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Mục tiêu của NQ (%)	Kết quả	Năm 2021 (%)	Năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Mục tiêu của NQ (%)	Kết quả	
	Bình Định	5,5	8,9	15,0	25	Không đạt	77,1	91,4	95	75	Đạt và vượt	

Phụ lục 5

**TỶ LỆ HỌC SINH DTTS ĐI HỌC ĐÚNG TUỔI BẬC TIỂU HỌC,
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI CÓ TRÌNH ĐỘ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Stt	Tỉnh	Tiểu học					Trung học cơ sở					Trung học phổ thông					Ghi chú
		Năm 2021 (%)	Năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Chỉ tiêu của NQ (%)	Kết quả	Năm 2021 (%)	Năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Chỉ tiêu của NQ (%)	Kết quả	Năm 2021 (%)	Năm 2024 (%)	Dự kiến đạt được năm 2025 (%)	Chỉ tiêu của NQ (%)	Kết quả	
	Bình Định	99,95	99,96	99,96	97	Đạt và vượt	90	90,34	91	93	Không đạt	70	94,62	95	50	Đạt và vượt	

Phụ lục 7

DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 52/NQ-CP

Stt	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Năm ban hành	Ghi chú
I	TÊN ĐỊA PHƯƠNG			
1	Tỉnh Bình Định			
-	Quyết định số 4604/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	2017	
-	Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025" trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	2018	
-	Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	UBND tỉnh Bình Định	2022	

-	Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, mức hỗ trợ thêm tiền ăn là 540.000 đồng/học sinh/tháng, thời gian được hỗ trợ tối đa là 9 tháng/năm học (từ năm học 2022-2023)	UBND tỉnh Bình Định	2022	
-	Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	2022	
-	Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	2022	
-	Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	2022	
-	Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	2024	